HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ VĨNH PHÚ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2026/NQ-HĐND	*Vĩnh Phú, ngày 19 tháng 6 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số nội dung chi, mức chi bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Phú

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND ngày 25/11/2025 của HĐND tỉnh Phú Thọ về quy định một số chế độ, chính sách bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Phú Thọ;

Xét Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã về việc đề nghị Hội đồng nhân dân xã xem xét Quy định một số nội dung chi, mức chi bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Phú; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Phú ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung chi, mức chi bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Phú.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định một số nội dung chi, mức chi bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Phú theo thẩm quyền và phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND ngày 25/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng: Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Phú.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Hội đồng nhân dân xã, Văn phòng HĐND và UBND xã có trách nhiệm trong quản lý và sử dụng kinh phí được phân bổ, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Các nội dung chi hoạt động của Hội đồng nhân dân xã không có trong Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2025 và quy định hiện hành của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chế độ, chính sách đảm bảo các điều kiện hoạt động của HĐND xã

1. Chi hoạt động kỳ họp

a) Bồi dưỡng cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng HĐND và UBND xã; phóng viên báo, đài; cán bộ y tế, bảo vệ phục vụ kỳ họp: 100.000 đồng/người/ngày.

b) Chi tiền ăn cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã, khách mời dự Kỳ họp và cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ kỳ họp: 200.000 đồng/người/ngày.

c) Chi chè, nước giải khát: Theo quy định hiện hành.

d) Chi làm ngoài giờ *(ngoài giờ hành chính, các ngày nghỉ)* trước, trong và sau các kỳ họp Hội đồng nhân dân xã cho cán bộ, công chức, người lao động: Theo quy định hiện hành.

2. Chi các phiên họp, kiểm tra, chất vấn, giải trình của Thường trực Hội đồng nhân dân xã; họp Ban, họp thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân xã; họp lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Luật, pháp lệnh; họp lấy ý kiến vào dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã; họp tham vấn ý kiến nhân dân *(nếu có).*

a) Chi các cuộc họp *(trừ họp thẩm tra)*:

- Chi hỗ trợ chủ trì cuộc họp: 140.000 đồng/người/buổi.

- Chi hỗ trợ thành viên mời dự họp; cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng HĐND và UBND xã phục vụ trực tiếp cuộc họp; phóng viên báo, đài: 70.000 đồng/người/buổi.

b) Chi chè, nước giải khát: Theo quy định hiện hành.

3. Chi cho công tác giám sát, khảo sát

a) Chi xây dựng văn bản giám sát: Mức chi do Thường trực Hội đồng nhân

dân xã quyết định trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí được giao, bao gồm:

- Chi xây dựng Quyết định thành lập đoàn giám sát; xây dựng kế hoạch và đề cương giám sát; báo cáo kết quả giám sát đối với từng đơn vị giám sát: Tối đa không quá 700.000 đồng/văn bản.

- Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát chung của đoàn giám sát: Tối đa không quá 1.700.000 đồng/báo cáo.

b) Chi xây dựng văn bản khảo sát gồm: kế hoạch, đề cương khảo sát; báo cáo kết quả khảo sát: Mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí được giao và tối đa không quá 700.000 đồng/văn bản.

c) Chi cho thành viên đoàn giám sát, khảo sát phục vụ các cuộc họp giám sát, khảo sát:

- Trưởng đoàn: 140.000 đồng/người/buổi.

- Chi hỗ trợ thành viên mời dự họp; cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng HĐND và UBND xã phục vụ trực tiếp cuộc họp; phóng viên báo, đài: 70.000 đồng/người/buổi.

4. Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình tại Kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

Mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí được giao, bao gồm:

a) Chi cho hoạt động chất vấn:

- Chi cho việc xây dựng các văn bản phục vụ hoạt động chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã và phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã: các báo cáo, kế hoạch chi tiết; biên bản tóm tắt nội dung chất vấn, trả lời chất vấn: Tối đa không quá 700.000 đồng/văn bản.

- Chi cho xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến chất vấn trình Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã: Tối đa không quá 1.000.000 đồng/báo cáo.

b) Chi cho hoạt động giải trình:

- Chi xây dựng Kế hoạch chi tiết phiên giải trình: Tối đa không quá 700.000 đồng/văn bản.

- Chi xây dựng Báo cáo tổng hợp kết quả giải trình: 1.000.000 đồng/báo cáo.

5. Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri.

a) Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng HĐND và UBND xã tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri và phóng viên báo, đài: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Chi xây dựng báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri theo Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã: Tối đa không quá 350.000 đồng/báo cáo/đợt tiếp xúc cử tri.

c) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri trình Hội đồng nhân dân xã: Mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí được giao và tối đa không quá 1.000.000 đồng/báo cáo.

6. Chi hỗ trợ công tác xây dựng và ban hành văn bản

Mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí được giao, bao gồm:

a) Chi bồi dưỡng xây dựng văn bản, tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân xã:

- Chi rà soát nội dung, thể thức, kỹ thuật hoàn thiện nghị quyết trước và sau khi Hội đồng nhân dân xã thông qua: tối đa không quá 700.000 đồng/Nghị quyết.

- Xây dựng báo cáo kết quả kỳ họp; xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân xã thảo luận tổ và tại Hội trường: tối đa không quá 1.000.000 đồng/báo cáo.

b) Chi xây dựng chương trình, kế hoạch công tác năm; báo cáo 6 tháng, hàng năm, nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã:

- Xây dựng báo cáo kết quả công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã định kỳ trình kỳ họp Hội đồng nhân dân xã; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã: tối đa không quá 1.000.000 đồng/văn bản.

- Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã: tối đa không quá 1.400.000 đồng/báo cáo.

c) Chi cho các Ban Hội đồng nhân dân xã xây dựng báo cáo thẩm tra các báo cáo, dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã:

- Thẩm tra đối với báo cáo; dự thảo Nghị quyết mới, hoặc thay thế: tối đa không quá 1.400.000 đồng/báo cáo thẩm tra.

- Thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung: tối đa không quá 1.000.000 đồng/báo cáo thẩm tra.

d) Chi xây dựng báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân xã về tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã: tối đa không quá 1.400.000 đồng/báo cáo.

đ) Chi xây dựng báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo nghiên cứu đề xuất của các Ban của Hội đồng nhân dân, Văn phòng HĐND và UBND xã đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân xã cho ý kiến: tối đa không quá 1.400.000 đồng/báo cáo.

e) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành, của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các Sở, ngành của tỉnh: tối đa không quá 550.000 đồng/báo cáo.

7. Chi hỗ trợ và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân xã; Văn phòng HĐND và UBND xã.

a) Chi hỗ trợ khai thác; tìm kiếm, tra cứu thông tin; nghiên cứu tài liệu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân xã đối với công chức, người lao động Văn phòng HĐND và UBND xã được phân công trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động của HĐND xã: 0,35 mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Chi hỗ trợ kinh phí tham gia ý kiến, xây dựng dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã cho Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Lãnh đạo Văn phòng và công chức, viên chức thuộc Văn phòng HĐND và UBND xã liên quan trực tiếp đến việc tham gia ý kiến, xây dựng dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã, như sau:

- Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã: 1.000.000 đồng/người/kỳ họp.

- Phó Trưởng Ban, Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã: 900.000 đồng/người/kỳ họp.

- Công chức, viên chức Văn phòng HĐND và UBND xã: 450.000 đồng/người/kỳ họp.

c) Hỗ trợ tiền may lễ phục.

Mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí được giao, bao gồm:

- Đại biểu Hội đồng nhân dân xã được cấp tiền may 02 (hai) bộ lễ phục/nhiệm kỳ: Tối đa không quá 7.000.000 đồng/người/bộ.

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Văn phòng HĐND và UBND xã được cấp tiền may 01 (một) bộ lễ phục/nhiệm kỳ: Tối đa không quá 3.500.000 đồng/người/bộ.

d) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã được trang cấp một máy tính xách tay hoặc máy tính bảng/nhiệm kỳ: Do Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí được giao và đảm bảo tiêu chuẩn định mức hiện hành.

đ) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã được cấp vật tư văn phòng phục vụ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

e) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã được cấp phí khai thác internet *(không quá 100.000 đồng/người/tháng)* phục vụ hoạt động đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

8. Chế độ tặng quà đối với các đối tượng chính sách - xã hội.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã (Chủ tịch, Phó Chủ tịch) tổ chức thăm hỏi, tặng quà đối với các đối tượng chính sách - xã hội gồm: Các đối tượng chính sách, các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp với hoạt động của Hội đồng nhân dân xã; gia đình và cá nhân gặp rủi ro do thiên tai; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội.

a) Tặng quà cho tập thể: 2.000.000 đồng/lần thăm hỏi.

b) Tặng quà cho cá nhân: 450.000 đồng/lần thăm hỏi.

9. Chế độ tặng quà lưu niệm

Đại biểu Hội đồng nhân dân xã; cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng HĐND và UBND xã *(được phân công trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động của HĐND xã)* được tặng quà khi nghỉ hưu, chuyển công tác và kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân xã; kỷ niệm ngày thành lập các cơ quan của xã: Mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí được giao.

10. Chế độ thăm hỏi ốm đau; phúng viếng khi từ trần

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã khi bị ốm phải điều trị tại bệnh viện được chi tiền thăm hỏi *(một năm không quá hai lần/đại biểu)*: 700.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, phải điều trị kéo dài thì được hưởng trợ cấp một lần/năm: 2.000.000 đồng/người/năm.

b) Lễ viếng đại biểu Hội đồng nhân dân xã đương nhiệm từ trần: 1.000.000 đồng/trường hợp.

c) Lễ viếng cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ *(chồng)*, vợ *(chồng)*, con đại biểu Hội đồng nhân dân xã đương nhiệm; nguyên lãnh đạo Hội đồng nhân dân, nguyên lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, nguyên lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND đã nghỉ hưu từ trần: 700.000 đồng/trường hợp.

11. Chế độ công tác phí, hội nghị

Ngoài chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các cuộc họp theo quy định hiện hành của Nhà nước, chế độ chi trong một số trường hợp được quy định như sau:

a) Hội đồng nhân dân xã thanh toán toàn bộ tiền công tác phí theo quy định cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã khi tham gia các hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát, khảo sát, tham gia hoạt động theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

b) Chi tiền ăn tại hội nghị và khi đi công tác:

Các hội nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã *(như hội nghị giao ban Thường trực Hội đồng nhân dân xã với các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã; các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã; Họp ban, họp thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân xã; họp tổng kết năm của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, của các Ban Hội đồng nhân dân xã; họp tổng kết nhiệm kỳ)*: Trong trường hợp tổ chức ăn tập trung, chi trả mức tiền ăn tối đa bằng mức tiền ăn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

Các ngày tham dự hội nghị, ngày đi công tác đã được thanh toán tiền ăn thì không được thanh toán phụ cấp lưu trú.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Toàn bộ kinh phí thực hiện các nội dung chi, mức chi tại Điều 3 do ngân sách xã Vĩnh Phú bảo đảm và được thanh toán, quyết toán theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2026.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực HĐND xã, Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Phú khóa II, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh (b/c);
- Phòng KTVBQPPL (Sở Tư pháp);
- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Các Ban của HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, đoàn thể của xã;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Trung tâm Dịch vụ SNC xã (đăng tin);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Quang Đạo